

Bản án số: 01/2025/KDTM - PT
Ngày: 08 - 04 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thanh Tùng

ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình: ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2025/TLPT- KDTM ngày 13/01/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2024/KDTM - ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ - PT ngày 14 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 (trước đây là Ngân hàng Thương mại cổ phần B – gọi tắt là Ngân hàng L2 hoặc L3). Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà T, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tiến L - Chuyên viên Ngân hàng Thương mại cổ phần L2, chi nhánh H3.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt Công ty X). Địa chỉ: tiểu khu I, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Trọng K - Giám đốc.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

3.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến V - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến H - Phó giám đốc

3.2. Phòng Quản lý đô thị huyện L, tỉnh Hòa Bình (trước đây là phòng Kinh tế - hạ tầng huyện L).

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến D - Trưởng phòng

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân P - chuyên viên

3.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt Ngân hàng B1). Địa chỉ: tháp BIDV số A, T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Kim T2 - Giám đốc phòng Giao dịch huyện L, chi nhánh H3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 - chuyên viên Ngân hàng B1, chi nhánh H3.

3.4. Ông Đinh Duy H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: tiểu khu F, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.5. Ông Hoàng Quốc T3, sinh năm 1965. Địa chỉ: xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng L2.

(Ông L, ông K, ông H1, ông T3, ông H, ông P có mặt, bà T2, bà L1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng L2 trình bày:

Ngày 13/12/2017, Công ty X vay vốn tại Ngân hàng L2, chi nhánh H3 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD20020171139 và Khế ước nhận nợ số KU20020171139 cùng ngày, theo đó số tiền vay là 700.000.000 đồng. Thời hạn vay, từ ngày 13/12/2017 đến ngày 13/12/2018 hoặc trả nợ trước hạn khi có nguồn thu. Mục đích vay: thanh toán tiền nguyên vật liệu của Công ty X phục vụ thi công xây dựng công trình đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 giữa Công ty X và Ban Q nông thôn thôn C, xã H, huyện L số tiền là 700.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty X đã trả lãi đầy đủ tính đến ngày 28/01/2019. Tuy nhiên đến hạn trả gốc, Công ty X không trả được nợ gốc theo như cam kết nên kể từ thời gian này Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 28/12/2019, Công ty X đã trả nợ gốc cho Ngân hàng L2 số tiền 77.591.370 đồng.

Ngày 29/01/2018, Công ty X tiếp tục vay của Ngân hàng L2, chi nhánh H3 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD200201897 và Khế ước nhận nợ số KU200201897 cùng ngày, cụ thể như sau: Số tiền vay là 1.320.000.000 đồng. Thời hạn vay, từ ngày 29/01/2018 đến ngày 29/01/2019 hoặc trả nợ trước hạn khi có dòng tiền từ phương án về. Mục đích vay: thanh toán tiền nhân công tháng 11, tháng 12 năm 2017 phục vụ thi công xây dựng đường giao thông từ xã N đi xã T, huyện L theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/9/2017 số tiền là 480.000.000 đồng; thanh toán tiền nhân công tháng 12 năm 2017, tháng 01 năm 2018 phục vụ thi công xây dựng công trình đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017, số tiền là 840.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty X đã trả lãi đầy đủ trong thời hạn vay. Tuy nhiên, đến hạn trả gốc 29/01/2019 Công ty X không trả được nợ gốc theo như cam kết nên kể từ thời gian này Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 13/5/2020, Công ty X đã trả nợ gốc cho Ngân hàng L2 số tiền 304.000.000 đồng, ngày 30/8/2024 trả số tiền 176.000.000 đồng, tổng cộng trả được 480.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong các hợp đồng tín dụng, còn có nội dung: Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng (được tính trên cơ sở một năm 360 ngày): 8,5%, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ 13 tháng, lãi suất cuối kỳ của L3 tại thời điểm điều chỉnh lãi suất + Biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ hoặc trả trước hạn khi có nguồn thu hoặc trả trước khi có dòng tiền từ dự án về.

Tài sản bảo đảm 1 : Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD20020171139 ngày 13/12/2017 là khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 ký giữa Công ty X và Phòng quản lý đô thị huyện L về việc thực hiện gói thầu thi công xây dựng thuộc dự án đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 1139/2017/HĐTC/CNHOABINH ngày 13/12/2017 giữa Công ty X và L3, chi nhánh H3. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hà Nội ngày 13/12/2017. Để đảm bảo cho khoản vay này giữa Phòng quản lý đô thị huyện L với Công ty X và Ngân hàng L2, chi nhánh H3 đã cùng nhau ký số TTHT20020171139 ngày 13/12/2017 về việc chuyển số tiền thanh toán cho Hợp đồng thi công xây dựng công trình số

01/2017/HĐ-XLCT vào tài khoản: 00587770999 của Công ty X mở tại L3, chi nhánh H3.

Tài sản bảo đảm 2 : Tài sản bảo đảm cho khoản vay Hợp đồng tín dụng số HDTD200201897 ngày 29/01/2018 là khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/09/2017 ký giữa Công ty X và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L về việc thực hiện gói thầu thi công xây dựng thuộc dự án đường giao thông từ xã N đi xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 755/2017/HĐTC/CNHOABINH ngày 26/09/2017 giữa Công ty X và L3, chi nhánh H3. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hà Nội ngày 26/9/2017. Để đảm bảo cho khoản vay này giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L với Công ty X và L3, chi nhánh H3 đã cùng nhau ký thỏa thuận hợp tác số TTHT2002017755 ngày 26/9/2017 về việc chuyển số tiền thanh toán cho Hợp đồng thi công xây dựng số 09/2017/HĐ-XLCT vào tài khoản: 00587770999 của Công ty X mở tại L3, chi nhánh H3.

Do Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng L2. Kể từ khi khoản vay của Công ty X phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng L2 đã nhiều lần làm việc với khách hàng để yêu cầu trả nợ, tất toán khoản vay. Đồng thời liên hệ với bên có nghĩa vụ là Phòng quản lý đô thị huyện L và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L theo các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, thỏa thuận hợp tác nêu trên. Tuy nhiên, thực tế Phòng quản lý đô thị huyện L và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L không chuyển tiền theo đúng số tài khoản đã cam kết mà chuyển tiền thanh toán cho Công ty X vào tài khoản mở tại Ngân hàng B1, cụ thể: Phòng quản lý đô thị huyện L thanh toán tiền cho Công ty X theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 số tiền là 3.140.878.000 đồng; Ban quản lý dự án đầu tư huyện L thanh toán tiền cho Công ty X theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/09/2017 số tiền là 1.557.460.000 đồng. Dẫn đến Ngân hàng L2 không có khả năng thu hồi đối với các khoản vay của Công ty X. Căn cứ theo các Thỏa thuận hợp tác thì Phòng quản lý đô thị huyện L và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L đã vi phạm cam kết gây thiệt hại cho L3. Đồng thời trong quá trình làm việc với Công ty X để xử lý nợ và quá trình giải quyết vụ án, L3 phát hiện ra Công ty X cũng đã thế chấp Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/09/2017 và Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 tại Ngân hàng B1.

Vì vậy, Ngân hàng L2 đã khởi kiện ra Tòa án, buộc Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng L2 theo các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên với tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2024 là: 2.965.890.029 đồng,

trong đó: nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng có bảng chi tiết tính lãi kèm theo. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty X phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong trường hợp Công ty X không trả được nợ cho Ngân hàng L2 thì căn cứ vào các thỏa thuận hợp tác, đề nghị Tòa án giải quyết buộc:

- Buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.364 đồng.

- Buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 206.360.395 đồng.

Bị đơn Công ty X, ông Lê Trọng K trình bày: Trong các ngày 13/12/2017 và 29/01/2018, Công ty X có vay Ngân hàng L2 số tiền theo Hợp đồng tín dụng số HDTD200 20171139 là 700.000.000 đồng và theo Hợp đồng tín dụng số HDTD200201897 là 1.320.000.000 đồng. Về thời hạn vay, thỏa thuận lãi suất, mục đích vay, tài sản đảm bảo và Thỏa thuận hợp tác ba bên giữa Ngân hàng, Công ty và Phòng quản lý đô thị huyện L; Ban quản lý dự án đầu tư huyện L, ông K đồng ý với trình bày của Ngân hàng L2. Ông K xác nhận số nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng L2 trình bày là đúng, cụ thể: tạm tính đến ngày 24/10/2024 Công ty X còn nợ Ngân hàng L2 nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng. Ông đồng ý trả số nợ gốc nêu trên còn số nợ lãi ông xin được miễn không phải trả hoặc chỉ phải trả hai phần ba số nợ lãi vì Công ty X đang gặp khó khăn về kinh tế nên không còn có khả năng thanh toán số nợ lãi này. Còn đối với các yêu cầu khác của Ngân hàng L2 thì ông không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Phòng quản lý đô thị huyện L trình bày: Ngày 23/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện L có Quyết định số 1011/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L. Phòng quản lý đô thị huyện L được giao là chủ đầu tư thực hiện dự án và đã thành lập Ban quản lý dự án đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L do ông Đinh Duy H1, khi đó giữ chức vụ Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng làm giám đốc Ban quản lý dự án; Số tài khoản giao dịch: 9527.3.1023485. Căn cứ vào Quyết định 52/QĐ-KTHT ngày 04/12/2017 của Phòng quản lý đô thị huyện về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây lắp công trình đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L. Ngày 05/12/2017, Ban Q nông thôn thôn C, xã H, huyện L đã thực hiện ký Hợp đồng thi công số 01/2017/HĐ-XLCT với Công ty X; Tài khoản: 45510000008197

tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 về việc thi công công trình đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L. Tổng giá trị hợp đồng ký kết là 7.548.946.000 đồng.

Ngày 07/12/2017, căn cứ theo khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng số 01/2017/HĐ - XLCT ngày 05/12/2017, Ban quản lý dự án đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L đã tạm ứng khối lượng cho nhà thầu thi công là Công ty X theo tài khoản 45510000008197 tại B1, chi nhánh H3 số tiền là 705.878.000 đồng. Ngày 07/02/2018, đã thanh toán tiếp cho Công ty X lần 2 cũng vào tài khoản nêu trên với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ngày 11/6/2018, để tạo điều kiện cho nhà thầu thực hiện vay vốn thực hiện dự án, ông Đinh Duy H1 - Giám đốc Ban Q có thực hiện ký xác nhận và đồng ý của chủ đầu tư với Ngân hàng B1 và Công ty X. Mọi khoản thu mà Công ty X được hưởng theo Hợp đồng số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 đều được Phòng quản lý đô thị huyện chuyển về tài khoản của Công ty X tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3. Ngày 22/01/2019, Ban Q nông thôn thôn C, xã H, huyện L đã thanh toán cho Công ty X lần ba vào tài khoản 45510000008197 tại B1, chi nhánh H3 với số tiền là 935.000.000 đồng. Công ty X đã thi công được khối lượng công việc là 61,68%, tổng khối lượng nghiệm thu đến ngày 22/01/2019 là 4.655.954.000 đồng, số tiền đã thanh toán cho Công ty X vào tài khoản 45510000008197 tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 là 3.140.878.000 đồng. Công nợ phải trả cho Công ty X tính đến thời điểm 25/4/2019 là 1.515.076.000 đồng.

Đến ngày 25/4/2019, Ngân hàng L2 đến làm việc với Phòng quản lý đô thị huyện L và gửi thông báo số 24/04/2019/LPB.HB về việc thông báo hỗ trợ cung cấp các thông tin về tiến độ công trình thi công đường giao thông nông thôn thôn C, xã H huyện L và đưa ra thỏa thuận hợp tác TTHT20020171139 ngày 13/12/2017 giữa Ban quản lý dự án đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L với Công ty X và Ngân hàng L2.

Sau khi Phòng quản lý đô thị huyện L nắm bắt được nội dung trên, nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa việc ký kết hợp đồng và ký thỏa thuận hợp tác với hai Ngân hàng, ngay lập tức đã tạm dừng việc thanh toán công nợ với Công ty X theo Hợp đồng số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 vào tài khoản của Công ty X tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 để chờ các bên giải quyết theo quy định. Từ năm 2019 đến nay, Phòng quản lý đô thị huyện L chưa thực hiện thanh toán công nợ công trình đường giao thông nông thôn thôn C, xã H, huyện L cho Công ty X vào bất cứ tài khoản nào của Công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L trình bày: Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-BQL ngày 31/7/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp công trình: đường giao thông từ xã N, đi xã T, huyện L. Ngày

07/8/2017, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L (chủ đầu tư); tài khoản: 952733024022 tại Kho bạc nhà nước huyện L ký kết Hợp đồng số 09/2017/HĐ-XLCT với Công ty X (Nhà thầu); tài khoản: 45510000 008197 tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 về việc thi công xây dựng công trình: đường giao thông từ xã N, đi xã T, huyện L. Tổng giá trị hợp đồng ký kết: 6.020.686.000 đồng. Tuy nhiên giá trị của hợp đồng số 09/2017/HĐ-XLCT mà Ban quản lý dự án thanh toán cho Công ty X chỉ là 5.462.983.000 đồng (thanh toán cho Công ty X số tiền 3.651.500.000 đồng; thanh toán cho nhà thầu phụ Công ty V1 số tiền 1.811.483.000 đồng.)

Ngày 09/8/2017, căn cứ theo khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 07/8/2017. Ban quản lý dự án đầu tư huyện L đã tạm ứng cho Công ty X theo tài khoản số 45510000 008197 tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 số tiền 890.000.000 đồng. Để tạo điều kiện cho nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công cũng như hợp tác đơn vị cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng. Ngày 30/8/2017, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L ký Thỏa thuận hợp tác ba bên giữa Ban quản lý, Công ty X và Công ty TNHH V1 về việc cam kết chất lượng vật tư, nhân công, máy thi công, và tiến độ thanh toán của hợp đồng cung cấp vật tư, nhân công, máy thi công.

Ngày 26/9/2017, để tạo điều kiện cho nhà thầu vay vốn thực hiện dự án, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L do ông Hoàng Quốc T3 đại diện có đồng ý ký Thỏa thuận hợp tác số: TTHT2002017755 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L, Công ty X và Ngân hàng L2, chi nhánh H3. Trong quá trình ký kết thỏa thuận, Ban Q cũng sai sót không để ý thỏa thuận ghi sai ngày hợp đồng. Sau khi ký thỏa thuận chưa thực hiện ký kết phụ lục kịp thời thay đổi số tài khoản thanh toán làm cơ sở thanh toán với Kho bạc nhà nước. Do đúng thời điểm luân chuyển nhiệm vụ kế toán giữa ông Nguyễn Anh T4 và bà Bạch Thị H2 bàn giao hồ sơ không đầy đủ, trong hồ sơ lưu trữ không có phụ lục thay đổi số tài khoản thanh toán và thỏa thuận hợp tác số TTHT2002017755 ngày 26/9/2017 nên bà Bạch Thị H2 thanh toán khối lượng lần hai (ngày 02/2/2018) vẫn căn cứ theo Hợp đồng số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 07/8/2017 để thanh toán cho nhà thầu Công ty X theo tài khoản số 45510000 008197 tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 với số tiền là 677.460.000 đồng.

Ngày 09/5/2018, sau khi Ngân hàng L2 đến làm việc, bà Bạch Thị H2 nắm bắt được tình hình đã thực hiện tham mưu thảo phụ lục thay đổi số tài khoản thanh toán sang số tài khoản theo đúng Thỏa thuận hợp tác số TTHT2002017755 ngày 26/9/2017 là: 005877709999 tại Ngân hàng L2, chi nhánh H3. Ngày 24/6/2019, căn cứ giữa đề nghị sử dụng nhà thầu phụ của Công ty X đã ký kết Hợp đồng bổ sung số: 01/2019/HĐBS giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L, Công

ty X và Công ty TNHH V1 để tiếp tục thực hiện hợp đồng số 09/2017/HĐ- XLCT ngày 07/8/2017.

Ngày 30/11/2019, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L, Công ty X, Công ty V1 (nhà thầu phụ) đã cùng nhau ký kết thanh lý Hợp đồng số 09/2017/HĐ – XLCT ngày 07/8/2017, chốt lại giá trị Hợp đồng này là: 5.442.150.000 đồng và 20.833.000 đồng (giá trị nộp lại thu hồi sau thanh tra), tổng cộng 5.462.983.000 đồng (trong đó Công ty X thực hiện giá trị hợp đồng là: 3.651.500.000 đồng; nhà thầu phụ - Công ty V1 thực hiện giá trị hợp đồng là 1.811.483.000 đồng.)

Ngày 13/5/2020, Ban quản lý dự án đầu tư huyện đã thanh toán cho nhà thầu Công ty X số tiền: 304.000.000 đồng theo số tài khoản 005877709999 tại Ngân hàng L2, chi nhánh H3.

Căn cứ theo thông tin nhà thầu cung cấp số nợ vay của Hợp đồng thi công công trình: đường giao thông từ xã N, đi xã T, số tiền là 480.000.000 đồng đã thanh toán nợ 304.000.000 đồng. Số tiền còn nợ gốc còn lại là 176.000.000 đồng. Ngày 05/02/2021, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L trả cho Công ty X số tiền 1.780.040.000 đồng, chuyển vào tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng T6, chi nhánh X1 số tài khoản là 19036805770010. Công ty X cam kết trong tổng số tiền nêu trên Công ty X sẽ rút số tiền 200.000.000 đồng tiền mặt để trả cho Ngân hàng L2 theo đúng như thỏa thuận TTHT2002017755 ngày 26/9/2017 giữa Ban Q, Công ty X và Ngân hàng L2 (thỏa thuận miệng). Tuy nhiên, Công ty X đã vi phạm cam kết không chuyển trả Ngân hàng L2 số tiền còn lại 176.000.000 đồng theo như cam kết ba bên. Tổng cộng Ban quản lý dự án đầu tư huyện L đã thanh toán khối lượng công trình mà Công ty X đã thực hiện được theo Hợp đồng số 09/2017/HĐ- XLCT ngày 07/8/2017 số tiền là 3.651.500.000 đồng.

Do Công ty X đã không thực hiện đúng cam kết, không trả cho Ngân hàng L2 số tiền 176.000.000 đồng nên Ngân hàng L2 đã khởi kiện Công ty X và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L ra Tòa án nhân dân huyện L. Theo thỏa thuận TTHT 2002017755 ngày 26/9/2017, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L sẽ chịu trách nhiệm liên đới về phần nợ gốc của khoản vay của Công ty X tại Ngân hàng L2 có liên quan đến thỏa thuận nêu trên. Vì vậy ngày 30/8/2024, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L chuyển trả cho Công ty X số tiền 176.000.000 đồng.

Hiện nay Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L đã thanh toán hết số tiền và không nợ Công ty X theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ – XLCT, ngày 07/8/2017, hợp đồng đã được thanh lý ngày 30/11/2019.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng B1 trình bày: Công ty X là khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng B1, chi nhánh H3, đến thời

điểm 15/09/2022 là 30.793.633.737 đồng. Trong đó: nợ gốc là 19.379.640.577 đồng; nợ lãi là 11.413.993.160 đồng. Hiện nay toàn bộ các khoản vay của Công ty X tại B1, chi nhánh H3 đã quá hạn và chuyển sang nhóm nợ xấu, bản thân Giám đốc Công ty X không có khả năng chi trả thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản nợ vay tại Ngân hàng, Công ty X đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 02/2018/645255/HĐBĐ ngày 11/06/2018 đã ký giữa Công ty X và Ngân hàng B1, chi nhánh H3. Đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án số 1290928107 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 14/06/2018. Thời điểm có hiệu lực của đăng ký giao dịch đảm bảo: từ thời điểm 16 giờ 28 phút ngày 14 tháng 06 năm 2018.

Ngân hàng B1 có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết, buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền 2.593.606.000 đồng của Công ty X và buộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L có trách nhiệm chuyển số tiền 2.653.586.000 đồng về tài khoản số 45510000008197 tại Ngân hàng B1, chi nhánh H3 theo đúng cam kết. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng B1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Đinh Duy H1 trình bày: Ông thừa nhận chữ ký trong Thỏa thuận hợp tác ngày 13/12/2017 giữa Ban Q với Công ty X và Ngân hàng L2 và chữ ký trong xác nhận và đồng ý của chủ đầu tư ngày 11/6/2018 giữa Ban quản lý dự án đường giao thông nông thôn C với Công ty X và Ngân hàng B1 đều là của ông. Tuy nhiên thời gian đã lâu nên ông không còn nhớ tại sao lại có sự sơ suất này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng Quốc T3 trình bày: Ông thừa nhận chữ ký trong Thỏa thuận hợp tác ngày 26/9/2017 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L với Công ty X và Ngân hàng L2 và chữ ký trong xác nhận và đồng ý của chủ đầu tư ngày 27/9/2017 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L với Công ty X và Ngân hàng B1 đều là của ông. Tuy nhiên thời gian đã lâu nên ông không còn nhớ tại sao lại có sự sơ suất này.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM - ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định: Căn cứ Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 280, Điều 305, Điều 307, Điều Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 235,

Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, T5:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L2 với bị đơn Công ty X. Buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng L2 số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.965.890.029 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng L2 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.634 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng L2 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 206.360.395 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/11/2024, Ngân hàng L2 kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa theo hướng chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng L2, cụ thể: buộc phòng Quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.634 đồng; buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 22/10/2024 là 206.360.395đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng L2, giữ nguyên nội dung quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM - ST ngày 24/10/2024 của Tòa án nhân dân

huyện L. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng L2 khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty X, trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng và buộc Phòng quản lý đô thị huyện L, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải thực hiện cam kết theo thỏa thuận trong trường hợp bị đơn không trả được nợ. Bị đơn có trụ sở tại huyện L tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện L xác định là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng để thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Ngày 07/11/2024, nguyên đơn Ngân hàng L2 kháng cáo. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Bà T2, bà L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngân hàng L2 khởi kiện buộc Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo các hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng tính đến ngày 24/10/2024 là: 2.965.890.029đ, trong đó: nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng. Trong trường hợp Công ty X không trả được nợ cho Ngân hàng L2 thì căn cứ vào các Thỏa thuận hợp tác, đề nghị Tòa án buộc: Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.634 đồng và buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 206.360.395 đồng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Trong các ngày 13/12/2017 và ngày 29/01/2018, giữa Công ty X và Ngân hàng L2 có ký kết 02 hợp đồng tín dụng số HDTD20020171139 và số HDTD200201897, cùng ngày giữa hai bên có ký kết khế ước nhận nợ, theo đó: Công ty X có vay của Ngân hàng L2 tổng số tiền của hai hợp đồng là 2.020.000.000đ (Hợp đồng tín dụng ngày 13/12/2017 là

700.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng ngày 29/01/2018 là 1.320.000.000 đồng). Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là khoản thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/09/2017 ký giữa Công ty X và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L và Hợp đồng 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 được ký kết giữa Công ty X và Phòng quản lý đô thị huyện L. Ngày 28/12/2019, Công ty X đã trả nợ gốc cho L3 số tiền là 77.591.370 đồng cho Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/12/2017. Trong các ngày 13/5/2020 và ngày 30/8/2024, Công ty X trả nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng ký ngày 29/01/2018 với tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Số nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn lại là 1.462.408.630 đồng. Do Công ty X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng L2 đã khởi kiện buộc Công ty X phải trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến thời điểm trả nợ ngày 24/10/2024, Công ty X còn nợ Ngân hàng L2 số tiền là 2.965.890.029 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 280, Điều 357, Điều 463 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất cũng như căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã được các bên tự nguyện ký kết để tuyên buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng L2 tổng số tiền là 2.965.890.029 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.462.408.630 đồng và nợ lãi là 1.503.481.399 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng nhất trí và không kháng cáo phần này.

[2.2]. Xét kháng cáo của Ngân hàng L2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1]. Căn cứ để Ngân hàng L2 đưa ra yêu cầu buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.634 đồng vì giữa Ngân hàng, Công ty X và Phòng quản lý đô thị ký kết Thỏa thuận hợp tác ngày 13/12/2017, theo đó Ban Q nông thôn thôn C thanh quyết toán Hợp đồng xây lắp công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 vào tài khoản của Công ty X mở tại L3. Với thỏa thuận này, L3 sẽ thu hồi được nợ của Công ty X. Tuy nhiên do sơ suất Phòng quản lý đô thị huyện L đã thanh quyết toán Hợp đồng số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 cho Công ty X vào tài khoản của Công ty X, số tài khoản: 45510000008197 mở tại Ngân hàng B1 với tổng số tiền 3.140.878.000 đồng mà không thanh toán vào tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng L2. Đến ngày 24/4/2019, L3 đến làm việc Phòng quản lý đô thị huyện

L thì Phòng quản lý đô thị mới tạm dừng việc thanh toán cho Công ty X để làm rõ sự việc.

Hiện nay công nợ mà Phòng quản lý đô thị huyện L còn nợ Công ty X theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 tính đến thời điểm ngày 25/4/2019 là 1.515.076.000 đồng. Tuy nhiên do Công ty X chỉ cung cấp được hồ sơ hoàn công, không cung cấp được hóa đơn chứng từ của khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng thi công số 01/2017/HĐ-XLCT ngày 05/12/2017 nên Phòng quản lý đô thị huyện L không có cơ sở để gián ngân số tiền này cho Công ty X.

Theo Điều 4 trong Thỏa thuận hợp tác ngày 13/12/2017 giữa Phòng Q (Ban Q, xã H, huyện L), Công ty X, L3 có ghi: *“...Bên nào vi phạm những nội dung quy định tại Thỏa thuận này gây thiệt hại cho Bên kia nhưng không dẫn đến hậu quả chấm dứt cam kết, thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh và phải trả như chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do vi phạm. Thỏa thuận này gây ra, các khoản tiền phạt phát sinh do việc vi phạm Thỏa thuận này dẫn đến việc vi phạm Hợp đồng khác có liên quan và tiền bồi thường thiệt hại mà các bên vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của vi phạm này gây ra..”* Tại phiên tòa phúc thẩm một lần nữa L3 khẳng định tại giai đoạn sơ thẩm Ngân hàng chưa yêu cầu xem xét bồi thường theo quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ của Công ty X về tài khoản của L3 theo đúng cam kết thu nợ với số tiền là 2.759.529.634 đồng là có căn cứ.

[2.2.2]. Căn cứ để Ngân hàng L2 đề nghị Tòa án buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X mở tại L3 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 206.360.395 đồng vì giữa Ngân hàng, Công ty X và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L đã cùng nhau ký kết Thỏa thuận hợp tác ngày 26/9/2017. Ngân hàng cho rằng mặc dù, Ban quản lý dự án đầu tư huyện L đã thực hiện thanh toán vào tài khoản của Công ty X mở tại L3 số tiền 480.000.000 đồng song do Ban Q đã vi phạm Thỏa thuận hợp tác nên L3 không thu được khoản tiền lãi của Hợp đồng tín dụng ngày 29/01/2018 và tính đến ngày 24/10/2024 số tiền lãi là 206.360.395 đồng, cụ thể; từ ngày 29/01/2019 đến 13/5/2020 tiền lãi là 95.696.877 đồng và từ ngày 14/5/2020 đến 30/8/2024 tiền lãi là 116.962.849 đồng.

Hiện nay, Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2017/HĐ-XLCT ngày 15/9/2017 ký giữa Công ty X và Ban quản lý dự án đầu tư huyện L về việc thực hiện gói thầu thi công xây dựng thuộc dự án đường giao thông từ xã N đi xã

T, huyện L, tỉnh Hòa Bình đã được thanh toán, quyết toán. Ban quản lý dự án đầu tư huyện L không còn nợ tiền Công ty X theo Hợp đồng nêu trên cho nên Ban quản lý dự án đầu tư huyện không có tiền để thực hiện theo thỏa thuận.

Theo thỏa thuận tại Điều 4 trong Thỏa thuận hợp tác ký ngày 26/9/2017 được ký kết giữa Ban quản lý dự án đầu tư huyện, Công ty X và L3 quy định: “...*Bên nào vi phạm những nội dung quy định tại Thỏa thuận này gây thiệt hại cho Bên kia nhưng không dẫn đến hậu quả chấm dứt cam kết, thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh và phải trả như chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do vi phạm. Thỏa thuận này gây ra, các khoản tiền phạt phát sinh do việc vi phạm Thỏa thuận này dẫn đến việc vi phạm Hợp đồng khác có liên quan và tiền bồi thường thiệt hại mà các bên vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của vi phạm này gây ra.*” Tại phiên tòa phúc thẩm một lần nữa, L3 khẳng định tại giai đoạn sơ thẩm Ngân hàng chưa yêu cầu xem xét bồi thường theo quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty X về tài khoản của Công ty X tại L3 theo đúng cam kết thu nợ với số tiền là 206.360.395 đồng là có căn cứ.

* Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng L2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM - ST ngày 24/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

[3]. Các quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên L3 phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM - ST ngày 24/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Phòng quản lý đô thị huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn X về tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn X mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 2.759.529.634 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ban quản lý dự án đầu tư huyện L phải có trách nhiệm chuyển số tiền nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn X về tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn X mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 theo đúng cam kết thu nợ, số tiền tính đến ngày 24/10/2024 là 206.360.395 đồng.

2. Các quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001490 ngày 19/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 đã nộp đủ án phí.

4. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (08/4/2025)/.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu

